

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 140 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2025

V/v ly hôn, t/c nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trà Thị Thanh Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kim Thắng;

2. Bà Võ Thị Trà Giang;

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Võ Sỹ Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1013/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1011/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Thanh Th**, sinh năm: 1997; địa chỉ: Thôn Vĩnh An Bắc, xã T, thành phố Đà Nẵng

- Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc C**, sinh năm: 1989; địa chỉ: Thôn Thanh Đức, xã Ch, thành phố Đà Nẵng

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Th thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc C tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ) vào năm 2020. Cuộc sống chung giữa chị và anh C không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hiện nay, anh, chị không chung sống với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Phạm Ngọc C.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh C có 01 cháu gái tên Phạm Thiên A, sinh ngày 06/6/2023, hiện nay cháu A được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nhận nuôi cháu A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc C: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Phạm Ngọc C, sau đó nhiều lần triệu tập hợp lệ cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C thông qua gia đình, mặc dù anh C biết việc chị Th yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết con chung nhưng anh vẫn không nêu ý kiến, không đến Toà để tham gia hoà giải. Do đó, việc lấy lời khai của anh C và việc hòa giải không thực hiện được.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo quy định của pháp luật, bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: chị Bùi Thị Thanh Th ly hôn với anh Phạm Ngọc C; giao cháu Phạm Thiên A, sinh ngày 06/6/2023 cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Phạm Ngọc C, địa chỉ: Thôn Thanh Đức, xã Ch, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Phạm Ngọc C đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi và không tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không hòa giải được; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh Th và anh Phạm Ngọc C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị Th và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Th cho rằng cuộc sống chung giữa chị và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, tình cảm không còn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C đến tham gia hòa giải để hàn gắn lại mối quan hệ nhưng anh C vẫn vắng mặt. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Th và anh C không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc C là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Ngọc C đều vắng mặt không có lý do; anh C cũng không có ý kiến hay

nguyện vọng gì đối với con chung. Bên cạnh đó, hiện nay con chung còn nhỏ, là cháu gái và đang được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giữ ổn định cuộc sống của con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao con chung Phạm Thiên A cho chị Th nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị Thanh Th được ly hôn với anh Phạm Ngọc C

Về con chung: Giao con chung Phạm Thiên A, sinh ngày 06/6/2023 cho chị nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Phạm Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh Th chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005575 ngày 26/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Chiên Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Trà Thị Thanh Thắm

